

BÁO CÁO

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 62/2013/QH13 ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Quốc hội về tăng cường công tác quản lý quy hoạch, đầu tư xây dựng, vận hành khai thác công trình thủy điện
(Tại Kỳ họp thứ 8, Quốc hội Khóa XIV)

Kính gửi: Quốc hội Khóa XIV

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 62/2013/QH13 ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Quốc hội Khóa XIII về tăng cường công tác quản lý quy hoạch, đầu tư xây dựng, vận hành khai thác công trình thủy điện (sau đây gọi tắt là NQ62 của Quốc hội), Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 18 tháng 02 năm 2014 Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện NQ62 (sau đây gọi tắt là NQ11 của Chính phủ). Căn cứ mục các nhiệm vụ được giao trong NQ62 của Quốc hội, Chính phủ đã chỉ đạo triển khai thực hiện đồng bộ, quyết liệt từ các Bộ ngành Trung ương đến địa phương, định kỳ báo cáo kết quả thực hiện NQ62 tại các kỳ họp Quốc hội và đã được Quốc hội thông qua.

Năm 2019 là năm thứ 6 liên tiếp tổ chức triển khai thực hiện NQ62 của Quốc hội, công tác quản lý quy hoạch, đầu tư xây dựng, vận hành khai thác công trình thủy điện tại các cấp ngày càng được hoàn thiện và nâng cao. Trên cơ sở ý kiến biểu quyết đồng ý của các Thành viên Chính phủ, Chính phủ xin trân trọng báo cáo Quốc hội kết quả việc triển khai thực hiện NQ62 của Quốc hội như sau:

I. Kết quả thực hiện Nghị quyết

1. Công tác rà soát quy hoạch thủy điện

Công tác rà soát quy hoạch thủy điện tính đến tháng 10 năm 2019 đã cơ bản được thực hiện đầy đủ trên phạm vi cả nước, đảm bảo các yêu cầu tại NQ62 của Quốc hội. Việc tổ chức chỉ đạo thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12 tháng 01 năm 2017 của Ban Bí thư về tăng cường lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng và chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc tại Hội nghị về các giải pháp khôi phục rừng bền vững vùng Tây Nguyên nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2016 - 2020 (Thông báo số 191/TB-VPCP ngày 22 tháng 7 năm 2016 của Văn phòng Chính phủ) đã được Bộ Công Thương phối hợp với UBND các tỉnh rà soát, đánh giá toàn diện từ các dự án đã được phê duyệt quy hoạch, đang thi công xây dựng đến các dự án đang được nghiên cứu, khảo sát để

xem xét đưa vào quy hoạch trên cơ sở tuân thủ nghiêm túc các nội dung chỉ đạo của Ban bí thư và Thủ tướng Chính phủ.

Đến nay, công tác rà soát về quy hoạch, đầu tư xây dựng và vận hành khai thác các công trình thủy điện trên địa bàn cả nước đã cơ bản hoàn thành, đáp ứng các yêu cầu đề ra theo NQ62 của Quốc hội. Kết quả rà soát liên tục qua 7 năm, Bộ Công Thương đã phối hợp với UBND các tỉnh xem xét loại bỏ khỏi quy hoạch 08 Dự án thủy điện (DATĐ) bậc thang, 472 DATĐ nhỏ và 213 vị trí tiềm năng thủy điện. Hiện nay cả nước đã có 409 công trình thủy điện với tổng công suất khoảng 18.950 MW đã vận hành phát điện và 175 dự án thủy điện với tổng công suất khoảng 3.605 MW đang được thi công xây dựng.

Ngày 24 tháng 11 năm 2017, Quốc hội khóa XIV đã thông qua Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 (có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2019), đến ngày 07 tháng 5 năm 2019, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 37/2019/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch. Theo đó, việc bổ sung, điều chỉnh quy hoạch các dự án thủy điện cũng được điều chỉnh bởi các Văn bản pháp luật nêu trên. Do đó, từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến nay Bộ Công Thương chưa xem xét bổ sung quy hoạch duyệt DATĐ nào trên địa bàn cả nước.

Để tiếp tục thực hiện NQ62 của Quốc hội, NQ11 của Chính phủ; triển khai công tác lập Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia (Quy hoạch điện VIII) theo Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14, ngày 25 tháng 7 năm 2019, Bộ Công Thương đã có Văn bản số 5276/BCT-ĐL đề nghị UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có dự án thủy điện trên địa bàn khẩn trương chỉ đạo thực hiện một số nội dung như sau:

- Tiếp tục thực hiện rà soát các dự án thủy điện đã có trong quy hoạch trên địa bàn do tỉnh quản lý, cụ thể như sau: Đánh giá việc thực hiện các quy định pháp luật hiện hành của Chủ đầu tư về quản lý an toàn đập, phương án trồng rừng thay thế, chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng, Quy trình vận hành hồ chứa, Giấy phép khai thác nước mặt, Giấy phép hoạt động điện lực và các yêu cầu khác về môi trường; Đánh giá về công tác quản lý đầu tư, quản lý chất lượng công trình, việc thực hiện các yêu cầu về môi trường, tái định cư...; Các dự án đã cấp Giấy chứng nhận đầu tư nhưng chưa triển khai xây dựng; Các dự án cần tiếp tục rà soát về hiệu quả kinh tế, về môi trường - xã hội, diện tích chiếm đất lớn...; Các dự án đã có trong quy hoạch nhưng chưa được cấp Giấy chứng nhận đầu tư; Các dự án thuộc diện phải điều chỉnh quy hoạch; Các dự án tiếp tục đề xuất loại khỏi quy hoạch.

- Rà soát tiềm năng phát triển thủy điện vừa và nhỏ trên địa bàn tỉnh để tổng hợp, thống kê danh mục các dự án thủy điện đủ tiêu chí để đề xuất bổ sung vào Quy hoạch điện VIII. Trong đó, nêu rõ giai đoạn dự kiến đầu tư xây dựng đối với dự án (giai đoạn 2021 - 2025, giai đoạn 2025 - 2030 và sau 2030) đảm bảo đồng bộ với tiến độ xây dựng hệ thống truyền tải điện trong khu vực.

- Báo cáo tình hình triển khai thực hiện Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 của Quốc hội từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến nay (công tác nghiên cứu, khảo sát để điều chỉnh, bổ sung quy hoạch), trong đó đánh giá cụ thể những thuận lợi, khó khăn, vướng mắc và đề xuất trong quá trình thực hiện Luật Quy hoạch đối với lĩnh vực thủy điện tại địa phương.

- Báo cáo danh mục các dự án thủy điện đang chuẩn bị đầu tư và thực hiện đầu tư trên địa bàn thuộc đối tượng thẩm tra thiết kế cơ sở, thiết kế sau thiết kế cơ sở và kiểm tra công tác nghiệm thu theo Nghị định và Thông tư hướng dẫn của Bộ Xây dựng.

- Rà soát, đánh giá tình hình thực hiện Quy trình vận hành hồ chứa các Dự án thủy điện trên địa bàn, đề xuất để điều chỉnh, bổ sung những nội dung quy trình chưa phù hợp trong quá trình vận hành; Công tác quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện trên địa bàn.

Ngày 16 tháng 8 năm 2019, Ủy ban thường vụ Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 về việc giải thích một số điều của Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14.

Ngày 13 tháng 9 năm 2019, sau phiên họp thường kỳ tháng 8 năm 2019, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 69/NQ-CP, trong đó có nội dung về triển khai Nghị quyết của Quốc hội về giải thích một số điều của Luật Quy hoạch. Theo đó, Chính phủ đã hướng dẫn việc triển khai lập, thẩm định và phê duyệt các quy hoạch thời kỳ 2021-2030 theo quy định của Luật Quy hoạch và việc thực hiện điều chỉnh các quy hoạch nêu tại điểm c khoản 1 Điều 59 Luật Quy hoạch đã được quyết định hoặc phê duyệt trước ngày 01 tháng 01 năm 2019.

Như vậy, để đủ cơ sở thực hiện việc phê duyệt quy hoạch thủy điện theo Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 của UBTV Quốc hội, Chính phủ cần tiếp tục ban hành Danh mục quy hoạch được tích hợp vào quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 59 Luật Quy hoạch.

2. Công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng

Thực hiện Nghị quyết số 33/2016/QH14 của Quốc hội về chất vấn và trả lời chất vấn tại Kỳ họp thứ 2, Quốc hội khóa XIV trong lĩnh vực thủy điện, ngày 10 tháng 02 năm 2017 Bộ trưởng Bộ Công Thương đã ban hành Quyết định số 396/QĐ-BCT ban hành Kế hoạch hành động của ngành Công Thương triển khai thực hiện Nghị quyết số 33/2016/QH14 của Quốc hội. Theo Kế hoạch đó, Bộ Công Thương đã chủ trì phối hợp với UBND các tỉnh Gia Lai, Kon Tum, Lâm Đồng, Đắk Nông, Bình Phước, Quảng Ngãi, Quảng Nam, Nghệ An, Quảng Trị, Lào Cai, Yên Bái, Lai Châu, Sơn La, Hòa Bình và Tập đoàn Điện lực Việt Nam tổ chức các đợt kiểm tra tình hình triển khai thực hiện NQ62 của Quốc hội và NQ11 của Chính phủ; đánh giá việc tuân thủ các quy định về quản lý chất lượng công trình trong công tác khảo sát, thiết kế, thi công, nghiệm thu, quản lý an toàn; giải quyết sự cố khi thi công công trình và cam kết về môi

trường đối với các dự án/công trình thủy điện, đồng thời kiểm tra, đôn đốc công tác đảm bảo an toàn trong vận hành và xây dựng trước mùa mưa lũ năm 2019 đối với một số nhà máy, công trình đang xây dựng trên địa bàn các tỉnh nêu trên.

- Đối với sự cố xảy ra tại các công trình thủy điện Đăk Kar, Đăk Sin 1 trên địa bàn tỉnh Đăk Nông do ảnh hưởng của mưa lớn kéo dài trên diện rộng trong mùa mưa lũ năm 2019 vừa qua, Phó Thủ tướng Chính phủ Trịnh Đình Dũng đã chỉ đạo Bộ Công Thương và các cơ quan liên quan kiểm tra, xử lý, khắc phục sự cố công trình một cách kịp thời. Thực hiện chỉ đạo nêu trên, Bộ Công Thương đã ban hành Quyết định số 2553/QĐ-BCT về việc thành lập Đoàn kiểm tra công tác xử lý, khắc phục sự cố công trình thủy điện Đăk Kar, Đăk Sin 1, từ ngày 26 đến ngày 28 tháng 8 năm 2019, theo đó Bộ Công Thương đã chủ trì, phối hợp với Ban Chỉ đạo trung ương về phòng chống thiên tai, Bộ Xây dựng, UBND tỉnh Đăk Nông, Sở Công Thương tỉnh Đăk Nông, Sở Công Thương tỉnh Bình Phước tổ chức kiểm tra công tác quản lý an toàn và vận hành hồ chứa thủy điện Đăk Kar, Đăk Sin 1 trên địa bàn tỉnh Đăk Nông. Ngày 13 tháng 9 năm 2019, Bộ Công Thương đã báo cáo Thủ tướng Chính phủ tại Báo cáo số 114/BC-BCT, theo đó Bộ Công Thương đã kiến nghị Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo:

* Đối với sự cố Dự án thủy Đăk Kar

Ủy ban nhân dân các tỉnh Đăk Nông và Bình Phước:

+ Chỉ đạo Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Kar phối hợp với các cơ quan chức năng có liên quan xác định thiệt hại ảnh hưởng do sự cố để bồi thường, hỗ trợ cho các hộ dân bị ảnh hưởng theo quy định; nghiêm túc kiểm điểm, xử lý và rút kinh nghiệm trong việc thực hiện các quy định về quản lý đầu tư, xây dựng công trình; chịu trách nhiệm đối với các nội dung đã thực hiện chưa tuân thủ chặt chẽ quy định pháp luật.

+ Đôn đốc, hướng dẫn Công ty Cổ phần thủy điện Đăk Kar xây dựng phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công theo quy định tại Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức diễn tập phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn.

+ Chỉ đạo các cơ quan chức năng của tỉnh kiểm tra, giám sát công tác khắc phục sự cố công trình đảm bảo an toàn cho người, thiết bị và vùng hạ du đập.

Theo quy định tại Nghị định số 104/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai; khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi; đê điều, Bộ Công Thương kiến nghị Thủ tướng Chính phủ giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đăk Nông xử lý vi phạm theo thẩm quyền đối với Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Kar đã có hành vi vi phạm hành chính: Quy định tại khoản 3 Điều 10 Nghị định số 104/2017/NĐ-CP

(Biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng chống thiên tai được Đoàn kiểm tra do Bộ Công Thương chủ trì lập ngày 27 tháng 8 năm 2019).

* Đối với sự cố Nhà máy thủy điện Đắk Sin 1

Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông chỉ đạo Công ty Cổ phần VRG - Đắk Nông thực hiện:

+ Rà soát các quy định tại Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước và Thông tư số 09/2019/TT-BCT ngày 08 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện để tổ chức thực hiện; bổ sung trạm quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng theo quy định tại Nghị định số 114/2018/NĐ-CP; bổ sung lắp đặt hệ thống thông tin, cảnh báo an toàn cho khu vực hạ du.

+ Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn của tỉnh kiểm tra giám sát việc khắc phục sự cố công trình, đảm bảo an toàn cho người, tài sản và hạ du. Chỉ cho phép công trình vận hành trở lại sau khi công tác khắc phục sự cố hoàn thành, đảm bảo chất lượng và an toàn theo quy định của pháp luật.

* Đối với Bộ Công Thương:

+ Chỉ đạo Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk Kar hoàn thiện các thủ tục pháp lý về quản lý đầu tư, chất lượng xây dựng công trình theo quy định.

+ Tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá tình hình quản lý đầu tư xây dựng, quản lý chất lượng công trình; phương án tích nước và giải pháp đảm bảo an toàn đập, hồ chứa thủy điện Đắk Kar.

Nhìn chung, qua việc kiểm tra, giám sát chặt chẽ của các cơ quan quản lý nhà nước từ Trung ương đến địa phương, công tác quản lý chất lượng xây dựng đã từng bước được nâng cao. Cụ thể, trong quá trình thực hiện đầu tư xây dựng, việc điều chỉnh quy mô, thay đổi thiết kế bản vẽ kỹ thuật thi công so với Hồ sơ thiết kế đã được cấp có thẩm quyền tham gia ý kiến; Chủ đầu tư các DATĐ đã nhận thức đúng đắn và thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật, đã có ý thức tăng cường đội ngũ chuyên môn có kinh nghiệm đầu tư xây dựng thủy điện nên việc quản lý chất lượng được ngày càng cải thiện. Mặt khác, trong quá trình thi công Chủ đầu tư các DATĐ đã thường xuyên báo cáo đầy đủ tình hình triển khai xây dựng cho các cơ quan chức năng theo quy định; các đơn vị tư vấn mới thành lập, còn thiếu kinh nghiệm đã quan tâm tuyển dụng đội ngũ cán bộ có chất lượng chuyên môn cao; các nhà thầu thi đã chú trọng hơn trong việc bố trí nhân lực và thiết bị có chất lượng cao và hiện đại, phù hợp với đặc thù công việc.

- Đối với 02 Dự án nhà máy thủy điện Hòa Bình mở rộng (480 MW) và Ialy mở rộng (360 MW) đã được Thủ tướng Chính phủ ban hành tại các Quyết định số 38/QĐ-TTg ngày 10 tháng 01 năm 2018 và số 389/QĐ-TTg ngày 11 tháng 4 năm 2018 phê duyệt chủ trương đầu tư, do Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) làm Chủ

đầu tư. Sau khi tổ chức thẩm định hồ sơ TKCS các DATĐ nêu trên theo quy định, Bộ Công Thương đã có các Văn bản số 2611/BCT-ĐL và số 2610/BCT-ĐL ngày 16 tháng 4 năm 2019 thông báo kết quả thẩm định TKCS các Dự án nhà máy thủy điện Hòa Bình mở rộng và Ialy mở rộng gửi Chủ đầu tư để tiếp tục thực hiện các bước tiếp theo.

- Đối với Dự án thủy điện tích năng Bác Ái, dự án đã được Thủ tướng Chính phủ cho phép EVN tiếp tục triển khai Dự án thủy điện tích năng Bác Ái tại Văn bản số 1027/TTg-CN ngày 15 tháng 8 năm 2019. Ngày 27 tháng 8 năm 2019, Bộ Công Thương đã ban hành Quyết định số 2641/QĐ-BCT về việc thành lập Tổ thẩm định Thiết kế kỹ thuật và Dự toán xây dựng Cụm công trình cửa xả của Dự án thủy điện tích năng Bác Ái, sau khi tổ chức thẩm định theo quy định, Bộ Công Thương cũng đã thông báo kết quả thẩm định Thiết kế kỹ thuật giai đoạn 1 và Dự toán xây dựng của Cụm công trình cửa xả của dự án tại Văn bản số 1649/ĐL-TĐ ngày 30 tháng 9 năm 2019. Hiện nay EVN đang khẩn trương thực hiện các bước tiếp theo để triển khai dự án đảm bảo đồng bộ tiến độ thi công hồ Sông Cái - Hệ thống thủy lợi Tân Mỹ (đã được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn NN&PTNT phê duyệt).

3. Công tác an toàn đập, hồ chứa, thực hiện quản lý an toàn đập và an toàn vận hành các công trình thủy điện

a) Tình hình thực hiện công tác quản lý an toàn đập, hồ chứa

Thực hiện quy định tại khoản 5 Điều 3 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước, Bộ Công Thương phối hợp với UBND các tỉnh có xây dựng công trình thủy điện rà soát và trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 470/QĐ-TTg ngày 26 tháng 4 năm 2019 ban hành danh mục đập, hồ chứa thủy điện thuộc loại đập, hồ chứa quan trọng đặc biệt thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ; Ban hành Quyết định số 472/QĐ-BCT ngày 05 tháng 3 năm 2019 ban hành danh mục đập, hồ chứa thủy điện lớn, vừa, nhỏ xây dựng trên địa bàn từ hai tỉnh trở lên thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Công Thương làm cơ sở pháp lý thực hiện công tác quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện theo loại đập, hồ chứa.

Năm 2019, Bộ Công Thương kiểm tra/thanh tra chuyên ngành theo kế hoạch 07 công trình thủy điện (kiểm tra 05, thanh tra chuyên ngành 02), qua kiểm tra cho thấy hầu hết các đơn vị đều có vướng mắc trong việc triển khai xây dựng các phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp, phương án bảo vệ đập; hiệu chỉnh quy trình vận hành hồ chứa... theo quy định tại Nghị định số 114/2018/NĐ-CP. Những vướng mắc này đã được Bộ Công Thương hướng dẫn kịp thời và hiện đã được quy định cụ thể tại Thông tư số 09/2019/TT-BCT ngày 08 tháng 7 năm 2019 của Bộ Công Thương quy định về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện.

Tình hình thực hiện các quy định về quản lý an toàn hồ, đập chủ sở hữu đập, hồ chứa thủy điện như sau:

- Đăng ký an toàn đập: Có 401/401 đập được chủ đập thực hiện đăng ký theo đúng quy định.

- Báo cáo hiện trạng an toàn đập: Có 401/401 đập được chủ đập thực hiện báo cáo theo đúng quy định.

- Xây dựng, phê duyệt quy trình vận hành hồ chứa: Có 401/401 hồ chứa có quy trình được cơ quan có thẩm quyền hoặc tự phê duyệt theo quy định.

- Xây dựng phương án ứng phó thiên tai: Có 350/401 đập, hồ chứa đã được chủ sở hữu xây dựng, phê duyệt.

- Xây dựng phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp: 145/401 đập, hồ chứa có phương án được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

- Xây dựng phương án bảo vệ đập: 180/401 đập hồ chứa có phương án được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

- Kết quả xây dựng các phương án ứng phó thiên tai; ứng phó với tình huống khẩn cấp; bảo vệ đập, hồ chứa hiện còn thấp do các quy định tại Nghị định số 114/2018/NĐ-CP chưa được cụ thể, chi tiết, hiện đã được Bộ Công Thương quy định chi tiết tại Thông tư số 09/2019/TT-BCT; Chủ sở hữu đập, hồ chứa thủy điện chưa có bản đồ ngập lụt vùng hạ du do UBND tỉnh/Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt theo quy định tại Nghị định số 114/2018/NĐ-CP nên chưa thể xây dựng được phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp...

b) Xây dựng, phê duyệt các phương án phòng chống lụt bão bảo đảm an toàn đập, phòng chống lũ lụt vùng hạ du đập, bảo vệ đập

Nghị định số 114/2018/NĐ-CP không quy định về xây dựng, phê duyệt các phương án này mà yêu cầu xây dựng, phê duyệt: Trong giai đoạn xây dựng, các chủ đập phải xây dựng 03 phương án ứng phó với thiên tai cho công trình và vùng hạ du, ứng phó với thiên tai và ứng phó với tình huống khẩn cấp; Trong giai đoạn khai thác, các chủ đập phải xây dựng 03 phương án ứng phó thiên tai, ứng phó với tình huống khẩn cấp và bảo vệ đập.

Theo quy định tại Luật Thủy lợi Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về thủy lợi trong phạm vi cả nước (khoản 1 Điều 56) và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan đầu mối giúp Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về thủy lợi (khoản 2 Điều 56), Bộ Công Thương đề nghị Chính phủ chỉ đạo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương có liên quan thực hiện:

- Xây dựng quy định/hướng dẫn cách xác định vùng hạ du đập để các chủ sở hữu đập, hồ chứa thủy điện và các cơ quan có liên quan làm cơ sở triển khai thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện có liên quan đến vùng hạ du.

- Rà soát, xác định rõ trách nhiệm xây dựng bản đồ ngập lụt vùng hạ du từng đập thủy điện (thuộc trách nhiệm của Bộ NN&PTNT/UBND tỉnh/chủ sở hữu đập, hồ chứa thủy điện) để đẩy nhanh tiến độ xây dựng bản đồ ngập lụt vùng hạ du, làm cơ sở để xây dựng phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp (về việc này, ngày 18/7/2019, Bộ Công Thương đã có Công văn số 5095/BCT-ĐTĐL gửi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).

- Xây dựng quy định/hướng dẫn cách xác định hành lang thoát lũ và quản lý hành lang thoát lũ để bảo đảm an toàn cho vùng hạ du khi vận hành xả lũ.

c) Công tác phổ biến kiến thức, quy định pháp luật về việc chỉ huy, thực hiện lệnh vận hành hồ chứa

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện, Bộ Công Thương đã lập kế hoạch tổ chức 02 hội nghị hướng dẫn thực hiện Nghị định số 114/2018/NĐ-CP và Thông tư số 09/2019/TT-BCT (Hội nghị lần thứ nhất tổ chức ngày 27 tháng 9 năm 2019 tại Quy Nhơn cho các chủ sở hữu đập, hồ chứa thủy điện và Sở Công Thương các tỉnh từ Hà Tĩnh trở vào; Hội nghị lần thứ 2 dự kiến giữa tháng 10 năm 2019 tại Hà Giang cho chủ sở hữu đập, hồ chứa thủy điện và Sở Công Thương các tỉnh còn lại).

4. Thực hiện phương án trồng rừng thay thế, chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng

a) Công tác trồng rừng thay thế

Theo số liệu thống kê của Tổng cục Lâm nghiệp - Bộ NN&PTNT, tính đến thời điểm tháng 9 năm 2019, công tác trồng rừng thay thế tại các DATĐ sau khi rà soát trên địa bàn cả nước như sau:

Tổng diện tích phải trồng bù rừng là 30.305 ha; diện tích đã trồng bù rừng là 33.735 ha, đạt 111,3% so với diện tích phải trồng. Như vậy, tính tổng thể trên phạm vi cả nước, đã hoàn thành NQ62 của Quốc hội khóa XIII, trong đó, một số tỉnh trồng vượt diện tích phải trồng như Lai Châu vượt, Thanh Hóa, Nghệ An...

Qua các đợt kiểm tra và làm việc với UBND các tỉnh, nhận thấy hầu hết Chủ đầu tư DATĐ hiện nay đều đã nhận thức đúng đắn và chấp hành nghiêm công tác trồng bù rừng thay thế đúng theo yêu cầu của Quốc hội và Chính phủ. Đối với các Chủ đầu tư DATĐ không thực hiện nghiêm túc việc trồng rừng thay thế theo quy định, Bộ Công Thương sẽ xem xét để thu hồi Giấy phép hoạt động điện lực theo đúng chủ trương tại NQ11 của Chính phủ.

b) Công tác chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng (DVMTR)

Theo thống kê của Quỹ bảo vệ và phát triển rừng Trung ương - Bộ NN&PTNT, tính đến ngày 15 tháng 9 năm 2019, cả nước đã thu được 1.880,9 tỷ đồng đạt 58,77% kế hoạch thu năm 2019 và bằng 105% so với cùng kỳ năm 2018.

Trong đó, thu từ các nhà máy thủy điện là 1.806,6 tỷ đồng, chiếm 96,05% tổng thu cả nước.

Chi trả DVMTR ngày càng khẳng định là nguồn tài chính quan trọng, bền vững của ngành Lâm nghiệp, DVMTR đã góp phần hỗ trợ cho chủ rừng có kinh phí quản lý bảo vệ rừng; hỗ trợ các Công ty Lâm nghiệp, Ban quản lý rừng khi dừng khai thác gỗ rừng tự nhiên và hỗ trợ kịp thời cho người dân miền núi bảo vệ rừng có tiền nâng cao đời sống trong bối cảnh ngân sách nhà nước đang khó khăn. Số tiền chi trả cho các chủ rừng để tổ chức quản lý bảo vệ rừng năm 2018 (khoảng 6,3 triệu ha) chiếm khoảng 43% tổng diện tích rừng của toàn quốc. Mặt khác, chính sách chi trả DVMTR đã góp phần rất lớn trong việc tăng thu nhập cho các hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng. Cụ thể hiện nay có khoảng hơn 500 ngàn hộ gia đình, cộng đồng được nhận tiền chi trả DVMTR qua hình thức chi trả trực tiếp và chi trả qua nhận khoán, nguồn thu từ DVMTR bình quân cả nước khoảng hơn 2 triệu đồng/hộ/năm, đã góp phần nâng cao thu nhập giúp giảm khó khăn trong đời sống cho đồng bào, đây là nguồn thu quan trọng cho các hộ gia đình nghèo ở vùng sâu, vùng xa.

Ngoài những kết quả đáng khích lệ nêu trên, hiện nay vẫn còn một số ít Chủ đầu tư NMTĐ nhỏ chưa thực hiện việc chi trả đúng quy định, còn nợ đọng DVMTR với lý do tình hình tài chính còn khó khăn. Trong năm 2018-2019, Bộ Công Thương đã tổ chức các Đoàn kiểm tra việc thi hành pháp luật về việc duy trì điều kiện cấp giấy phép hoạt động điện lực lĩnh vực phát điện, trong đó có việc thực hiện nghĩa vụ chi trả tiền DVMTR, các đơn vị phát điện còn nợ tiền DVMTR sẽ được lập danh sách theo dõi, yêu cầu khẩn trương hoàn thành nghĩa vụ chi trả DVMTR, nếu không hoàn thành sẽ xem xét thu hồi hoặc chưa cấp Giấy phép hoạt động điện lực.

5. Tình hình thực hiện chính sách di dân, tái định cư các dự án thủy điện

Công tác di dân, tái định cư có tầm quan trọng đặc biệt trong việc giải phóng mặt bằng để xây dựng các công trình thủy điện và có tính quyết định đến sự thành bại việc thực hiện các dự án này. Do tầm quan trọng của công tác di dân, tái định cư; Đảng, Quốc hội và Chính phủ luôn quan tâm, chỉ đạo các Bộ, ngành, địa phương và các chủ đầu tư thực hiện đồng bộ các giải pháp để đẩy nhanh tiến độ thực hiện hoàn thành công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, đảm bảo sớm ổn định đời sống và sản xuất cho người dân tái định cư và góp phần quan trọng vào việc xây dựng hoàn thành các công trình thủy lợi, thủy điện đúng tiến độ.

Theo báo cáo tổng kết của Bộ NN&PTNT tại Hội thảo khoa học về đánh giá tình hình thực hiện chính sách di dân, tái định cư các dự án thủy lợi, thủy điện được tổ chức tại thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An ngày 01 tháng 8 năm 2019, phần lớn tại các khu, điểm tái định cư, nhiều công trình cơ sở hạ tầng thiết yếu đã và đang được tập trung xây dựng hoàn thành, tương đối đồng bộ và cơ bản tốt hơn nơi ở cũ, hình thành các điểm dân cư mới khang trang gắn với xây dựng nông thôn mới. Công tác hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất được quan tâm, sản xuất từng bước ổn định và

phát triển, người dân được tiếp cận với các dịch vụ xã hội cơ bản ngày một nhiều hơn và tốt hơn đã góp phần quan trọng vào việc nâng cao nhận thức, trình độ dân trí của người dân. Đời sống, sinh hoạt người dân tái định cư từng bước ổn định ngày càng được cải thiện cả về vật chất và tinh thần, cụ thể như sau:

- Thu nhập bình quân đầu người ở các khu, điểm tái định cư tăng lên hàng năm, năm 2018 đạt 14 triệu đồng/người/năm; tỷ lệ hộ tái định cư nghèo bình quân chiếm 36%, tuy còn cao nhưng đã giảm nhiều so với trước khi di chuyển.

- Về nhà ở của các hộ tái định cư: Các hộ dân tái định cư được hỗ trợ kinh phí xây dựng nhà đúng chính sách quy định (với các hình thức như: hộ dân tự tháo dỡ nhà ở tại nơi ở cũ và xây dựng lại tại nơi ở mới; chủ đầu tư và nhân dân cùng làm; chủ đầu tư làm nhà xong rồi bàn giao cho người dân). Nhà ở của người dân xây dựng cơ bản phù hợp với quy hoạch và phong tục tập quán của từng dân tộc, chất lượng xây dựng đảm bảo, khang trang, tốt hơn nơi ở cũ. Tuy vậy, qua thời gian sử dụng, công tác duy tu bảo dưỡng không được quan tâm đúng mức, đến nay nhiều nhà ở do các chủ đầu tư xây dựng bị xuống cấp, điển hình như ở các khu, điểm tái định cư thủy điện Bản Vẽ tỉnh Nghệ An. Năm 2018, tỷ lệ nhà ở kiên cố của các hộ dân tái định cư đạt tiêu chuẩn của Bộ Xây dựng là 84%, tỷ lệ nhà ở bán kiên cố là 16%.

- Nước sinh hoạt: Các điểm tái định cư đã được đầu tư xây dựng công trình cấp nước sinh hoạt phục vụ người dân khi chuyển đến nơi ở mới, nên 100% người dân đến nơi ở mới được sử dụng nước sạch hoặc nước hợp vệ sinh. Tuy nhiên, do thiên tai và qua thời gian sử dụng, tại một số nơi không có kinh phí duy tu, sửa chữa, công tác quản lý còn hạn chế, nên nhiều công trình bị hư hỏng, xuống cấp, không phát huy được hiệu quả. Năm 2018, tỷ lệ người dân tái định cư các công trình thủy điện được sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 84%, số người dân chưa được sử dụng nước hợp vệ sinh chiếm 16%.

- Điện sinh hoạt: Tỷ lệ hộ gia đình tái định cư được sử dụng điện lưới Quốc gia năm 2018 đạt 92%, chỉ còn 8% số hộ tái định cư chưa có điện do đặc thù ở xen ghép, di ven tại các bản có địa hình hiểm trở, phức tạp, lại quá xa điểm đầu điện, suất đầu tư quá lớn và các hộ tách hộ chưa có điều kiện kéo đường điện riêng đến nhà.

- Đời sống văn hoá và tinh thần: Nhiều công trình cơ sở hạ tầng xã hội được đầu tư, xây dựng tương đối đồng bộ như nhà văn hóa, trạm y tế, trường học; đời sống văn hoá tinh thần của người dân tái định cư ngày càng tốt hơn, phong tục tập quán của các dân tộc được duy trì và phát huy mang lại niềm tin cho người dân. Đến hết năm 2018, tỷ lệ trẻ em tại các khu, điểm tái định cư đến tuổi đi học được đến trường đạt 98%; tỷ lệ phổ cập giáo dục tiểu học đạt 95%, THCS đạt 92%; điều kiện chăm sóc y tế ngày càng tốt hơn cơ bản đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh của người dân.

- Đào tạo việc làm cho người dân tái định cư: Số lao động được đào tạo là 12.238 người, số lao động sau đào tạo có việc làm là 7.769 người, chiếm 63%. Ngoài ra, các địa phương còn mở nhiều lớp tập huấn về khuyến nông, khuyến công với tổng số khoảng 30.000 lao động tham gia. Nhờ đó, số lao động tái định cư nông nghiệp chuyển dịch sang lao động công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ ngày càng tăng. Đặc biệt tại một số khu, điểm tái định cư ở một số địa phương nhiều lao động là người dân tái định cư đã góp đất cổ phần làm công nhân tại các công ty cao su như ở thủy điện Sơn La (tỉnh Lai Châu, Sơn La), thủy điện An Khê - Ka Nắc (tỉnh Gia Lai).

- Tình hình an ninh, trật tự xã hội, công tác tôn giáo, dân tộc tại các khu, điểm tái định cư được giữ vững và ổn định. Công tác tuyên truyền, vận động quần chúng nhân dân nâng cao cảnh giác, tích cực đấu tranh phòng chống các loại tội phạm và tệ nạn xã hội được đẩy mạnh. Người dân tái định cư và người dân sở tại đoàn kết giúp đỡ nhau phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới.

- Về sản xuất nông nghiệp: Các chủ đầu tư và các địa phương đã tập trung triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất cho người dân tái định cư theo quy định. Ngoài ra, để đẩy mạnh phát triển sản xuất tại các khu, điểm tái định cư, một số địa phương đã lồng ghép các chương trình, dự án khác trên địa bàn để xây dựng và triển khai thực hiện các mô hình chuyển đổi giống cây trồng, vật nuôi có giá trị kinh tế cao bước đầu mang lại hiệu quả, đang được người dân tái định cư học tập để nhân rộng. Công tác chuyển giao ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất được tăng cường, giúp người dân tái định cư bước đầu ổn định cuộc sống và phát triển sản xuất.

- Về sản xuất lâm nghiệp: Tại các khu, điểm tái định cư người dân đã tích cực tham gia trồng, chăm sóc, khoanh nuôi và bảo vệ rừng. Các hộ tái định cư được hưởng kinh phí hỗ trợ từ nguồn chi trả dịch vụ môi trường rừng của các dự án thủy điện, trung bình đạt 1-2 triệu đồng/hộ/năm, có hộ đạt 5-7 triệu đồng/năm như ở thủy điện Lai Châu.

- Về nuôi trồng thủy sản: Nghề đánh bắt nuôi trồng thủy sản trên lòng hồ thủy điện đã bước đầu hình thành và phát triển, đến nay đã có nhiều hộ dân vùng tái định cư tham gia nuôi cá lồng, đánh bắt thủy sản trong lòng hồ thủy điện, điển hình như tại hồ thủy điện Hoà Bình (tỉnh Hòa Bình, Sơn La), thủy điện Sơn La (tỉnh Sơn La, Điện Biên, Lai Châu), thủy điện Bản Chát (tỉnh Lai Châu), thủy điện Bản Vẽ (tỉnh Nghệ An), thủy điện Sông Bung 4, AVương (tỉnh Quảng Nam) góp phần nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống cho người dân tái định cư.

- Về sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ: Sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tại khu, điểm tái định cư chưa phát triển, chủ yếu mới hình thành một số cơ sở nhỏ lẻ, mang tính tự phát của các hộ gia đình, chủ yếu là tiểu thủ công nghiệp như xay xát, sản xuất công cụ cầm tay, mây tre đan, dệt thổ cẩm, tắm

tre... chủ yếu là phục vụ nhu cầu thiết yếu tại chỗ của người dân; du lịch, dịch vụ thương mại đang hình thành và phát triển theo hướng gắn phát triển du lịch sinh thái với cảnh quan vùng hồ thủy điện, các lễ hội truyền thống của đồng bào các dân tộc và các di tích lịch sử văn hóa vùng tái định cư; điển hình như tại vùng hồ thủy điện Sơn La, thủy điện Tuyên Quang, hàng năm các lễ hội thu hút hàng nghìn du khách và người dân tham gia, đã tạo được việc làm và nâng cao thu nhập cho người dân. Dịch vụ, thương mại chủ yếu phát triển ở các vùng tái định cư đô thị, khu vực thị trấn, tập trung dân cư.

Tại một số nơi thuộc vùng tái định cư thủy điện, du lịch, dịch vụ thương mại đã và đang được hình thành và phát triển, tạo sức hút lớn hơn cho địa phương. Đồng thời quảng bá và có sự giao thoa giữa các các lễ hội văn hóa truyền thống của người dân tái định cư và người bản địa trong vùng là một trong những thế mạnh thu hút du lịch của địa phương.

Bên cạnh đó, nguồn thu của các địa phương có xây dựng thủy điện từ các loại thuế, phí (thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế tài nguyên, thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thay nhà thầu, phí dịch vụ môi trường rừng, phí cấp quyền khai thác tài nguyên nước) là không nhỏ; ước tính khoảng 800 triệu đồng/MW trong 1 năm đóng góp khá lớn vào nguồn thu ngân sách của các địa phương. Đây là nguồn kinh phí có thể được xem xét hỗ trợ để thực hiện các dự án ổn định đời sống và sản xuất cho người dân sau tái định cư các công trình thủy lợi, thủy điện. Ví dụ nguồn thu các loại phí, thuế nêu trên của một số công trình thủy điện như sau:

- Thủy điện Tuyên Quang (2008-2019): 1.822,975 tỷ đồng;
- Thủy điện Bản Vẽ (2010-2019): 1.434 tỷ đồng;
- Thủy điện Hòa Bình (2016-2018): 6.222 tỷ đồng;
- Thủy điện Huội Quảng (2016-2019): 1.192 tỷ đồng;
- Thủy điện Bản Chát (2013-2019): 914,663 tỷ đồng;
- Thủy điện Sơn La (2010-2018): 5.928,384 tỷ đồng;
- Thủy điện Lai Châu (2010-2018): 1.569,688 tỷ đồng.

Ngoài những kết quả đã đạt được như trên, vẫn còn một số khó khăn, vướng mắc trong công tác thực hiện chính sách di dân, tái định cư tại các DATĐ cần được tiếp tục sớm khắc phục như sau:

- Công tác lập quy hoạch tổng thể, quy hoạch chi tiết các khu, điểm tái định cư còn nhiều hạn chế, chất lượng chưa cao, còn phải điều chỉnh lại nhiều lần. Nhiều điểm tái định cư được quy hoạch chưa gắn với khu sản xuất, đất vườn quá nhỏ, không có đất ở dự phòng phát triển, diện tích đất sản xuất thực tế thiếu so với diện tích quy hoạch, chất lượng đất kém, thiếu nước sản xuất và sinh hoạt.

Ngoài ra, tại một số nơi đã xảy ra hiện tượng khiếu nại, khiếu kiện kéo dài về

công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư, do tại thời điểm phê duyệt dự án chưa có quy định bồi thường, hỗ trợ trong chính sách cho phần diện tích đất sản xuất trên cốt ngập; gây khó khăn trong công tác quản lý đất đai, quản lý rừng trong vùng lòng hồ thủy điện (Ví dụ: thủy điện Bản Vẽ tỉnh Nghệ An, thủy điện Đồng Nai 3 tỉnh Đắk Nông)

- Công tác giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất còn chậm. Tại một số dự án, nhiều hộ tái định cư còn thiếu đất sản xuất, đất sản xuất chưa đảm bảo chất lượng (đất dốc, bạc màu, bị xói mòn rửa trôi mạnh), thiếu nước, ảnh hưởng xấu đến đời sống sinh hoạt và sản xuất của người dân, nguy cơ tái nghèo cao, có hiện tượng người dân sau khi tái định cư lại quay về nơi ở cũ trong vùng lòng hồ như thủy điện Bản Vẽ tỉnh Nghệ An, tiềm ẩn nguy cơ phá rừng phòng hộ đầu nguồn, gây mất an ninh trật tự xã hội trên địa bàn.

- Một số dự án đất ở và đất vườn liền kề được giao chưa hợp lý: đất vườn quá nhỏ không đủ để trồng cây, chăn nuôi gia súc, không có đất ở dự phòng phát triển như: thủy điện Hòa Bình, An Khê - Ka Nắk. Nhiều hộ dân tái định cư ở một số dự án chưa được giao đủ đất sản xuất so với hạn mức quy định như: Dự án thủy điện Huội Quảng, Bản Chát tỉnh Lai Châu, bình quân diện tích đất sản xuất là 0,89 ha/hộ, thấp hơn so với hạn mức quy định (1,2 - 1,5 ha/hộ); Dự án thủy điện Bản Vẽ tỉnh Nghệ An diện tích còn thiếu là 90,4 ha; Dự án thủy điện Hủa Na tỉnh Nghệ An diện tích còn thiếu 57,8 ha, 311 hộ thiếu đất lâm nghiệp với tổng diện tích là 1.032 ha; Dự án thủy điện Đồng Nai 3 tỉnh Đắk Nông diện tích còn thiếu là 257 ha; Dự án thủy điện Thượng Kon Tum tỉnh Kon Tum diện tích còn thiếu là 75 ha.

- Tình trạng sản xuất quy mô nhỏ, phân tán, manh mún còn phổ biến, phương thức canh tác lạc hậu, năng suất, chất lượng thấp, sức cạnh tranh không cao; các hình thức tổ chức sản xuất dù có chuyên môn, nhưng vẫn chậm đổi mới, chưa phát triển mạnh sản xuất hàng hóa; việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi có giá trị kinh tế cao còn chậm.

- Hệ thống kết cấu hạ tầng một số dự án chưa đồng bộ, như còn thiếu công trình phúc lợi xã hội (đặc biệt là các dự án triển khai thực hiện trong giai đoạn 1980-1990 khi cơ chế, chính sách về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của Nhà nước còn thiếu, chưa hoàn chỉnh như thủy điện Hòa Bình; các dự án được lập và phê duyệt theo chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư quy định tại Nghị định số 22/1998/NĐ-CP ngày 22/4/1998, Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 3/12/2004 có tiêu chuẩn, định mức hỗ trợ đầu tư thấp, trong thời gian thực hiện chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của Nhà nước đã được điều chỉnh tăng tiêu chuẩn, định mức hỗ trợ đầu tư và đồng bộ hơn, nhưng dự án không được điều chỉnh, nên còn thiếu nhiều công trình phúc lợi xã hội, các công trình không đồng bộ, thiếu nhiều hạng mục phụ trợ, quy mô công trình nhỏ, cấp công trình thấp, hiện không đáp ứng

được nhu cầu sử dụng). Công tác quản lý, duy tu bảo dưỡng công trình sau khi bàn giao đưa vào sử dụng còn nhiều hạn chế như: chưa có quy chế quản lý và sử dụng công trình hoàn thành đưa vào sử dụng; không có kinh phí để duy tu, bảo dưỡng dẫn đến nhiều công trình cơ sở hạ tầng bị hư hỏng, xuống cấp nhanh, đặc biệt là các công trình cấp nước sinh hoạt, thủy lợi nhỏ và công trình giao thông trong điểm tái định cư.

6. Công tác lập và thực hiện Quy trình vận hành hồ chứa, liên hồ chứa và các tác động của việc điều tiết hồ chứa đối với vùng hạ du

a) Về xây dựng, phê duyệt và vận hành theo quy trình liên hồ, đơn hồ

Khi xây dựng Quy trình vận hành (QTVH) hồ chứa, quan điểm chủ đạo là đảm bảo an toàn cho hạ du, trong đó vận hành phải ưu tiên đảm bảo an toàn tuyệt đối cho công trình và đảm bảo tính linh hoạt cho người điều hành trực tiếp; trên cơ sở các quy định ràng buộc trong QTVH, đưa ra kế hoạch vận hành chi tiết với từng trường hợp cụ thể để điều tiết đáp ứng các nhiệm vụ của công trình. Nguyên tắc cơ bản về điều tiết lũ được quy định cho tất cả các công trình thủy điện là không làm gia tăng lưu lượng đỉnh lũ. Cụ thể là, trong mọi trường hợp vận hành bình thường từ thời điểm lũ về hồ đến khi đạt đỉnh, việc mở các cửa van đập tràn phải tiến hành lần lượt để lưu lượng xả qua các tổ máy phát điện và đập tràn không được lớn hơn lưu lượng tự nhiên về hồ.

Các QTVH đều quy định cụ thể về công tác chuẩn bị phòng, chống lụt bão cũng như quan trắc, bảo dưỡng để đảm bảo công trình vận hành chống lũ an toàn. Việc thông báo cho chính quyền và nhân dân địa phương sinh sống tại khu vực hạ lưu công trình trước khi xả lũ cũng được quy định cụ thể trong QTVH với nhiều hình thức như hiệu lệnh còi, văn bản, điện thoại, fax, thư điện tử,... cho từng trường hợp vận hành. Ngoài ra, QTVH cũng quy định cụ thể trách nhiệm phối hợp giữa chủ đập và chính quyền địa phương, đặc biệt là cơ quan Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn (PCTT&TKCN) tại địa phương trong quá trình vận hành xả lũ.

Theo Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ quy định về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước, hiện có 401/401 hồ chứa đã có QTVH được thẩm định, phê duyệt, cụ thể:

Tại Quyết định số 1879/QĐ-TTg ngày 13 tháng 10 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh mục các hồ thủy lợi, thủy điện trên lưu vực sông phải xây dựng QTVH liên hồ chứa, Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm xây dựng QTVH liên hồ chứa của 11 lưu vực sông (sông Hồng, sông Mã, sông Cả, sông Hương, sông Vu Gia - Thu Bồn, sông Trà Khúc, sông Kôn - Hà Thanh, sông Ba, sông Sê San, sông Srêpôk và sông Đồng Nai) với 89 hồ thủy điện.

Hiện tại Bộ Tài nguyên và Môi trường đã xây dựng và sửa đổi, bổ sung và Thủ tướng Chính phủ đã quyết định ban hành 11 QTVH liên hồ nêu trên.

Các QTVH liên hồ quy định đầy đủ, chặt chẽ sự phối hợp giữa các chủ hồ với nhau, giữa các chủ hồ với các cơ quan có liên quan trong việc vận hành hồ chứa bảo đảm khai thác an toàn, hiệu quả tài nguyên nước trên 11 lưu vực sông.

b) Đánh giá việc thực hiện vận hành hồ chứa thủy điện

Hầu hết việc vận hành các hồ chứa thủy điện theo Quy trình phê duyệt là phù hợp với pháp luật hiện hành, thực tế và điều kiện khí tượng thủy văn, địa hình hành lang thoát lũ,...

Trong thời gian qua, việc vận hành công trình theo QTVH nhìn chung đã được các Chủ đập thủy điện tuân thủ về nguyên tắc xả lũ, thao tác, phương thức vận hành các cửa van đập tràn, công tác chuẩn bị phòng, chống lụt, bão và chế độ thông tin, báo cáo cho địa phương. Đặc biệt, một số đơn vị mặc dù mới quản lý vận hành công trình nhưng đã có nỗ lực trong việc thực hiện, tuân thủ quy trình. Các Chủ đập đã phối hợp chặt chẽ với địa phương, trước khi xả lũ đều thực hiện theo đúng quy định và chủ động phối hợp với các cơ quan chức năng để dự báo thủy văn cho công trình. Nhiều đơn vị đã chủ động phối hợp với địa phương xây dựng các quy định về cách thông báo và ứng xử với từng trường hợp cụ thể, thiết lập hệ thống cảnh báo xả lũ dọc sông tại các vị trí cần thiết, chủ động đề xuất để tham gia vào Ban Chỉ huy phòng, chống lụt, bão của địa phương và mời đại diện của địa phương tham gia Ban Chỉ huy phòng, chống lụt, bão của nhà máy (như các hồ A Vương, Sông Tranh 2 trên lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn; các hồ Buôn Kuốp, Buôn Tua Srah, Srêpôk 3 trên lưu vực sông Srêpôk,...).

Trên cùng lưu vực sông lớn, các Chủ đập đã chủ động phối hợp với chính quyền địa phương cùng xây dựng và thống nhất Quy chế phối hợp, chương trình hành động và quy chế chung trong công tác vận hành xả lũ, tổ chức dự báo và đo đạc các yếu tố khí tượng, thủy văn phục vụ công tác vận hành hồ. Các hồ chứa lớn cơ bản đã lắp đặt và vận hành hiệu quả hệ thống cảnh báo hạ du khi điều tiết lũ, phát điện. Phần lớn các đơn vị đã xây dựng quy chế chia sẻ thông tin giữa các công trình trên cùng bậc thang và Ban Chỉ huy PCTT&TKCN của tỉnh.

Ngoài ra, phần lớn các hồ chứa thủy điện lớn ở khu vực miền Trung và Tây Nguyên đã lắp đặt hệ thống tự động thu thập thông tin vận hành truyền về Ban Chỉ huy PCTT&TKCN của tỉnh. Đây là giải pháp rất hiệu quả trong việc chủ động thu thập số liệu vận hành của các công trình trên bậc thang, kịp thời đưa ra những quyết định phù hợp trong quá trình vận hành. Đặc biệt như các hồ chứa thủy điện Bình Điền, Hương Điền, A Lưới ở tỉnh Thừa Thiên Huế đã thường xuyên thông báo công tác điều tiết nước hồ về Ban chỉ huy PCTT&TKCN và Sở Công Thương giúp cho địa phương chủ động điều hành việc điều tiết các hồ trên địa bàn giảm lũ có hiệu quả, đây là mô hình tốt trong điều hành phòng chống lụt bão.

Căn cứ QTVH đơn hồ và liên hồ được duyệt và các Quy chế phối hợp giữa các chủ đập trên cùng bậc thang và giữa các chủ đập với địa phương, đa số chủ đập đã

thực hiện đầy đủ thông tin về thông báo và thời gian thông báo cho cơ quan địa phương, các đơn vị liên quan trước và trong quá trình xả lũ. Trong phối hợp vận hành giữa các công trình trên cùng một lưu vực sông, tất cả các đơn vị đều tuân thủ nghiêm túc quy định về thông báo thông tin vận hành cho các Chủ đập ở phía hạ du.

Sự phối hợp trao đổi thông tin, số liệu về khí tượng, thủy văn, mực nước hồ, lưu lượng đến hồ, dự kiến lưu lượng xả, thời gian xả giữa các Chủ đập, đơn vị dự báo và cơ quan ra quyết định lệnh vận hành trong quản lý, vận hành, khai thác công trình đập, hồ chứa nước đa mục tiêu đã được phối hợp theo QTVH liên hồ chứa. Việc kết nối, truyền dữ liệu tự động từ các hồ chứa về các đơn vị dự báo, đơn vị điều hành theo phương thức: fax, email, công văn.

Hầu hết các vị quản lý vận hành các hồ chứa thủy điện đã nghiêm túc vận hành theo quy trình đã được phê duyệt, đảm bảo an toàn hồ đập, góp phần nâng cao hiệu quả chống lũ, giảm lũ cho hạ du, cấp nước cho sản xuất nông nghiệp và sinh hoạt, góp phần quan trọng trong hiệu quả phát điện. Chủ đầu tư các DATĐ đã chủ động phối hợp với các công trình thủy điện, thủy lợi và cơ quan địa phương xây dựng quy chế phối hợp trong vận hành hồ chứa, nhằm hạn chế tối đa ảnh hưởng, tác động tiêu cực đến hạ du.

Đặc biệt, ở các lưu vực sông Vu Gia - Thu bồn, sông Ba các NMTĐ đã đảm bảo hài hòa giữa lợi ích phát điện và nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt, sản xuất nông nghiệp ở hạ du. Các cấp chính quyền ở địa phương đã chủ động tính toán và phối hợp với chủ đập thủy điện xây dựng kế hoạch xả nước phù hợp với tình hình thời tiết và nguồn nước tại hồ chứa thủy điện. Qua đó nâng cao hiệu quả sử dụng nước mùa cạn từ năm 2013 đến nay và đã được UBND tỉnh Quảng Nam đánh giá cao.

Tuy nhiên, qua kiểm tra, vẫn còn một số tồn tại, hạn chế trong các Quy trình vận hành và thực hiện vận hành hồ chứa thủy điện như sau:

- Số liệu dự báo của các Đài khí tượng thủy văn khu vực và địa phương còn chưa kịp thời hoặc độ chính xác chưa đảm bảo nên việc chỉ đạo, vận hành xả lũ và chủ động chống lũ cho hạ du còn hạn chế.

- Công tác tổ chức tập huấn và tuyên truyền cho nhân dân ở những khu vực bị ảnh hưởng phía hạ lưu về những quy định xả lũ để hiểu và chủ động phòng tránh thiệt hại chưa được chú trọng đúng mức ở nhiều công trình thủy điện.

- Năng lực của cán bộ vận hành công trình và cơ quan quản lý nhà nước ở địa phương còn hạn chế, tại một số công trình thủy điện còn thiếu cán bộ vận hành có kinh nghiệm hoặc chưa được trang bị đầy đủ kiến thức vận hành.

- Một số cơ quan quản lý nhà nước tại địa phương thiếu cán bộ chuyên môn cần thiết hoặc chưa đáp ứng yêu cầu, cá biệt một số cán bộ chuyên trách của cơ quan chịu trách nhiệm về phòng, chống lụt, bão tại địa phương không đủ năng lực, không nắm được thông tin về công trình cũng như nội dung của QTVH hồ chứa

thủy điện trên địa bàn, do đó hiệu quả của công tác quản lý, kiểm tra vận hành hồ chứa và phòng, chống lụt bão còn hạn chế.

Qua xem xét báo cáo của Chủ đập, địa phương và kiểm tra, đánh giá của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Công Thương cho thấy, một số nhà máy còn có thời điểm chưa tuân thủ đúng các quy định vận hành (xả lưu lượng tối thiểu cho hạ du; thực hiện việc thông tin, thông báo; lắp đặt hệ thống thông báo, cảnh báo xả lũ, xả nước phát điện, lắp đặt hệ thống quan trắc mưa, lưu lượng,...) như thủy điện Hồ Hồ, Vĩnh Sơn 5, Nà Lò, Bắc Khê 1, Đăk Mi 4,... Bộ Công Thương đã phối hợp với địa phương chỉ đạo các nhà máy này thực hiện nghiêm túc, kịp thời theo đúng quy định.

Trong thời gian tới, Chính phủ sẽ chỉ đạo Bộ Công Thương tiếp tục phối hợp chặt chẽ với các cơ quan để triển khai thực hiện tốt NQ62 trong lĩnh vực thủy điện; kiên quyết chỉ đạo, xử lý các trường hợp vi phạm hoặc không thực hiện nghiêm túc các quy định hiện hành về vận hành hồ chứa theo đúng quy định.

II. Đánh giá chung

Qua công tác triển khai thực hiện các nội dung của NQ62 của Quốc hội và NQ11 của Chính phủ, các cấp, các ngành đã tích cực và chủ động phối hợp triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao một cách đồng bộ và hiệu quả, đặc biệt là cấp cơ sở đến nay đã có sự chuyển biến tích cực về ý thức, nhận thức đối với công tác nghiên cứu, lập, phê duyệt quy hoạch, xây dựng và vận hành an toàn, hiệu quả các công trình thủy điện. Cụ thể như sau:

- Bộ Công Thương với vai trò đầu mối, đã chủ động và phối hợp chặt chẽ với các Bộ, ngành và các địa phương triển khai thực hiện nghiêm túc Nghị quyết của Quốc hội và Chương trình hành động của Chính phủ một cách đồng bộ, quyết liệt với các mục tiêu và nhiệm vụ rõ ràng, cụ thể. Bộ Công Thương cũng đã tổ chức các Đoàn kiểm tra, rà soát, đánh giá về công tác quản lý quy hoạch, đầu tư xây dựng, quản lý vận hành các công trình thủy điện trên địa bàn cả nước.

- Công tác rà soát quy hoạch, đầu tư xây dựng và vận hành các NMTĐ trên địa bàn cả nước đã cơ bản hoàn thành, đáp ứng các yêu cầu đề ra theo NQ62 của Quốc hội và NQ11 của Chính phủ, ngày càng được thực hiện một cách đồng bộ, tuân thủ quy định của pháp luật, đạt được những kết quả tích cực. Theo Quy hoạch điện VII điều chỉnh được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 428/QĐ-TTg ngày 18 tháng 3 năm 2016, phát triển nguồn thủy điện là mục tiêu được ưu tiên, trong đó sẽ phát triển công suất nguồn thủy điện đến năm 2020 đạt khoảng 21.600MW; năm 2025 đạt khoảng 23.400MW; năm 2030 đạt khoảng 25.400MW. Đây cũng là tiền đề quan trọng trong việc nghiên cứu, triển khai lập quy hoạch ngành năng lượng quốc gia theo Luật Quy hoạch đã được ban hành.

- Việc thực hiện các quy định pháp luật hiện hành của các Chủ đầu tư thủy điện về quản lý an toàn đập, QTVH đơn hồ, liên hồ chứa, trồng rừng thay thế, chi trả tiền DVMTR, bảo vệ môi trường, nhìn chung đã được thực hiện khá nghiêm túc.

- Công tác bồi thường, hỗ trợ, di dân, tái định cư các DATĐ trên địa bàn cả nước về cơ bản đã tuân thủ đúng các quy định hiện hành. Các Chủ đầu tư dự án thủy điện đã nâng cao trách nhiệm trong việc xây dựng các khu tái định cư cho bà con về nơi định cư mới để sớm ổn định đời sống và sản xuất.

- Công tác trồng rừng thay thế trong thời gian vừa qua đã được Bộ NN&PTNT phối hợp với các Bộ ngành và địa phương thống nhất chỉ đạo thực hiện rất quyết liệt tại các DATĐ.

- Từng bước nâng cao chất lượng trong công tác quản lý quy hoạch, chấn chỉnh các vấn đề liên quan đến lựa chọn Chủ đầu tư, đảm bảo chất lượng công trình, việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước như: Công tác di dân tái định cư, trồng bù diện tích rừng bị thu hồi, vận hành hồ chứa, an toàn hồ đập,...

- Trong cơ cấu nguồn điện của hệ thống điện quốc gia hiện nay, thủy điện chiếm tỷ trọng khá lớn, các nhà máy thủy điện đang vận hành chiếm tỷ trọng khoảng 40% về công suất lắp đặt và khoảng 37% về điện năng toàn hệ thống, góp phần quan trọng vào việc bảo đảm an ninh năng lượng. Đặc biệt là trong quá trình vận hành, các NMTĐ đã phối hợp chặt chẽ, nhịp nhàng với ngành nông nghiệp, các cơ quan dự báo khí tượng thủy văn, các địa phương, thực hiện tốt đồng thời nhiệm vụ phát điện và nhiệm vụ cấp nước cho hạ du mùa khô, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn nước từ các hồ chứa thủy điện.

Chính phủ trân trọng báo cáo Quốc hội Khóa XIV./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng;
- Các Bộ: CT, TN&MT, NN&PTNT, KH&ĐT, XD, GTVT;
- UBND các tỉnh có dự án thủy điện;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của QH;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tập đoàn Điện lực Việt Nam;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, các Vụ: TH, CN, NN, TKBT, KTTH, QHĐP;
- Lưu: VT, CN (3).

TM. CHÍNH PHỦ
TU. THỦ TƯỚNG
BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG

(Đã ký)

Trần Tuấn Anh